

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/DS-PT

Ngày: 20 - 9 - 2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản và kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLPT-DS ngày 12-7-2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và kiện đòi tài sản”*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 20/2023/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐ-PT ngày 01-8-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1961; địa chỉ: C L, xã Đ, Tp ., tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng ông Hoàng Văn T, sinh năm: 1970 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm C, thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Bùi Công T2, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: Số A đường L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24-5-2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2016, 2017 bà C có cho vợ chồng bà Hoàng Thị T1, ông Hoàng Văn T vay tiền 04 lần, tổng cộng 270.000.000đ cụ thể như sau:

- + Lần thứ nhất vào ngày 09-4-2016 cho vay 200.000.000đ.
- + Lần thứ hai vào ngày 14-6-2016 cho vay 10.000.000đ.
- + Lần thứ ba vào ngày 21-6-2016 cho vay 20.000.000đ.
- + Lần thứ bốn vào ngày 07-6-2017 cho vay 40.000.000đ.

Khi vay các bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất là 1.5%/tháng. Quá trình vay vợ chồng ông T, bà T1 chỉ trả được 13.000.000đ tiền lãi cho các tháng 4, 5, 6, 7-2016 còn lại cho đến nay cả gốc và lãi không trả. Bà C đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà T1 không trả từ năm 2017 cho đến nay Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T1, ông T trả nợ gốc là 270.000.000đ và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 07-6-2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, ngày 28-02-2017, vợ chồng bà T1 ông T có chốt bán cho bà C 2 tấn cà phê nhân Rubusta đủ độ với giá 40.000đ/kg, bà T1 là người trực tiếp ký nhận bán số cà phê nói trên và lấy tiền là 80.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông T, bà T1 vẫn chưa giao cà phê cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 giao trả cho bà 02 tấn cà phê nhân Rubusta đủ độ.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn giao nộp bản gốc 01 tờ giấy ghi ngày 28-02-2017 nội dung bà Hoàng Thị T1 ở thôn D, xã L có nợ bà Hồ Thị c 2.000 kg cà phê; 01 giấy vay tiền ghi ngày 9-4-2016 nội dung ông Hoàng Văn T cùng bà Hoàng Thị T1 vay của bà Hồ Thị c 200 triệu đồng mặt sau ghi ngày 14-6-2016 ông T vay 10 triệu đồng, ngày 21-6-2016 mà T1 vay 20 triệu đồng; 01 tờ giấy ghi ngày 7-6-2017 bà Hoàng Thị T1 vay của bà C 40 triệu đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T, bà T1 trình bày:

Vợ chồng ông T, bà T1 thừa nhận có vay của bà C 04 lần tiền tổng cộng 270.000.000đ đã trả lãi được 13.000.000đ như bà C trình bày và đồng ý trả số tiền này, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi đã trả và chỉ đồng ý trả mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với việc chốt bán 02 tấn cà phê thì tôi bà T1 thừa nhận chữ ký trong giấy chốt cà phê ngày 28-02-2017 bà C cung cấp là đúng, bà có chốt bán 02 tấn cà phê nhân với giá 40.000đ/kg. Tuy nhiên thời điểm chốt bán không phải là tháng 02 mà tháng 10, năm nào thì vợ chồng không nhớ rõ. Sau đó vợ chồng đã giao đủ 2 tấn cà phê cho bà C, khi đó bà C mới giao tiền 80.000.000đ cho vợ chồng. Tuy nhiên vợ chồng chỉ ký trong sổ của bà C chứ hai bên không lập giấy tờ. Vì vậy bà C khởi kiện yêu cầu trả 2 tấn cà phê thì vợ chồng không đồng ý.

Ngoài ra, vợ chồng đã giao trả cho bà C 02 tấn cà phê tổng cộng 2 tấn cà phê nhưng cụ thể thời gian nào thì vợ chồng không nhớ rõ. Trong đó có một lần vợ chồng ký trong sổ bà C và một lần không ký giấy tờ gì.

Tại phiên tòa ngày 17-4-2023, ông T cho rằng vợ ông bà T1 ký giấy chốt giá để bán cà phê và khi nào giao cà phê thì lấy tiền với giá 40.000đ/kg. Trường hợp giá cà phê thời điểm bán cao hơn 40.000đ/kg vẫn lấy giá 40.000đ/kg, giá thấp hơn 40.000đ/kg thì lấy giá thị trường; thời điểm chốt bán tháng 10-2017 không phải tháng 02-2017 vì thời điểm này ai cũng bán hết cà phê nên không

Đại lý thu mua cà phê nào cho chốt bán. Khi đến nhà bà C chốt cà phê có bà Phạm Thị H tên thường gọi là bà Huệ Tam đi cùng nên biết việc này; đồng thời ông T cho rằng lúc ký chốt bán bà T1 chưa nhận tiền bán cà phê như bà C trình bày. Sau đó, vợ chồng ông đã giao cà phê và nhận 80.000.000đ của bà C. Ngoài ra, vợ chồng còn giao cà phê cho bà C 02 lần, lần thứ nhất vào năm 2018 khi vợ chồng ông xoay cà phê xong để ngoài sân thì bà C đến lấy 01 tấn nhân lúc này không có ai chứng kiến, lần hai vào năm 2019 bà C vào nhà vợ chồng ông lấy hơn 01 tấn cà phê rồi gọi cho bà Nguyễn Thị H1 (người hàng xóm và là thông gia với bà C) qua làm chứng việc lấy cà phê và vợ chồng ông ký vào sổ của bà C. Hai tấn cà phê này là bà C vào lấy để cản trừ khoản nợ 270.000.000đ vợ chồng ông đã nợ.

Tại phiên tòa ngày 18-5-2023, vợ chồng ông T bà T1 chỉ đồng ý trả nợ gốc 270.000.000đ, đề nghị giải quyết tiền lãi theo quy định pháp luật. Đối với 02 tấn cà phê thì vợ chồng ông T bà T1 giữ nguyên trình bày cho rằng đã giao 02 tấn cà phê và nhận 80.000.000đ của bà C xong. Ngoài ra trong năm 2019 bà C vào nhà cùng với 05 người thanh niên lấy của vợ chồng khoảng 01 tấn nhân cà phê; năm 2020 bà C lấy khoảng 09 tạ cà phê và gọi bà H1 qua làm chứng, vợ chồng ký nhận vào sổ bà C phía dưới giấy chốt cà phê năm 2017.

Bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền nợ 270.000.000đ bà chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc, rút yêu cầu tính lãi. Đối với 02 tấn cà phê bà T1 chốt bán tháng 02-2017 bà đã giao tiền cho và T1 nhưng đến nay vợ chồng ông T chưa giao trả cà phê. Riêng vợ chồng ông T cho rằng bà vào nhà vợ chồng ông T, bà T1 lấy 02 lần cà phê tương đương 02 tấn để cản trừ số nợ 270.000.000đ là không có, phía dưới tờ giấy chốt bán cà phê không có chữ ký của vợ chồng ông T bà T1 về việc bà lấy cà phê như vợ chồng ông T bà T1 trình bày.

Quá trình tạm ngừng phiên tòa:

Tòa án xác minh ghi lời khai của bà H khẳng định bà H có đi cùng bà T1 đến nhà bà C để chốt bán cà phê, không phải chốt giá như vợ chồng ông T bà T1 trình bày, hôm chốt cà phê bà T1 có nhận tiền từ bà C nhưng bà không rõ là tiền bán cà phê hay tiền bà C cho vay. Sau năm 2014, bà C chỉ cho chốt bán (chốt bán lấy tiền sau này có cà phê mới giao còn gọi là chốt bán cà phê non) không cho chốt giá.

Tòa án xác minh bà H1 khẳng định khoảng năm 2020, vào buổi trưa bà có đến nhà vợ chồng ông T bà T1 chơi thì có thấy bà C đang nói chuyện đòi nợ cà phê và tiền với vợ chồng ông T, bà T1, bà có thấy xe tải của bà C ở ngoài cổng nhà; bà không chứng kiến việc bà C lấy cà phê của vợ chồng ông T bà T1 và xung không có việc bà qua làm chứng do bà C gọi như vợ chồng ông T đã khai.

Tại phiên tòa các bên thống nhất giá thị trường cà phê ngày 18-5-2023 là 57.000đ/kg để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị C về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và kiện đòi tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1.

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị C 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị C 02 tấn cà phê robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị C về việc yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc 270.000.000đ đối với vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 01-6-2023, bị đơn ông T, bà T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng giấy chốt giá cà phê tháng 10-2017 có chốt giá cà phê nhưng chưa lấy tiền. Đồng thời năm 2019 và năm 2020 bà C đã lấy hơn 2 tấn cà phê để cán trừ vào khoản nợ 270.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm: bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T, bà T1 trả số tiền 270.000.000đ và 2.000 kg cà phê nhân Robusta theo giấy chốt bán cà phê ngày 28-02-2017. Bị đơn cho rằng có nợ số tiền 270.000.000 đồng và đã giao 02 tấn cà phê cho nguyên đơn, không đồng ý với khởi kiện của nguyên đơn về 02 tấn cà phê nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và kiện đòi tài sản*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông T, bà T1 thì thấy rằng:

Đơn kháng cáo của ông T, bà T1 nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị đơn về số tiền nợ 270.000.000đ: theo hồ sơ thể hiện, vợ chồng ông T, bà T1 thừa nhận năm 2016, 2017 có vay của bà C 4 lần với tổng số tiền 270.000.000đ nhưng mới trả được 13.000.000đ tiền lãi, không yêu cầu xem xét số tiền lãi đã trả và đồng ý trả cho bà C số tiền này. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn kháng cáo cho rằng năm 2019 và năm 2020 bà C đã lấy hơn 2 tấn cà phê để trừ vào số tiền nợ 270.000.000đ. Bà C không đồng ý với trình bày của bị đơn. Bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với số tiền nợ 270.000.000đ.

Đối với kháng cáo của bị đơn về 02 tấn cà phê:

Vợ chồng ông T, bà T1 cho rằng tháng 10-2017, bà T1 đi cùng bà Phạm Thị H đến nhà bà C, bà T1 có chốt 02 tấn cà phê nhưng chỉ chốt giá để bán chứ không chốt bán lấy tiền như nội dung chốt bán cà phê tại giấy bà C cung cấp ghi ngày 28-02-2017. Do đó, mới ghi nội dung "...có nợ cô Hồ Thị C... 2000kg cà phê nhân, nếu cà phê lên em T1 vẫn lấy tiền giá 40, nếu hạ em T1 lấy giá thị trường lúc bấy giờ...". Sau đó, vợ chồng ông T, bà T1 đã giao cà phê và nhận 80.000.000đ tiền bán cà phê xong.

Bà C thì cho rằng, ngày 28-02-2017, bà T1 đi cùng bà H đến nhà bà và bà T1 chốt bán 02 tấn cà phê với giá 40.000đ/kg, thành tiền là 80.000.000đ, bà T1 đã nhận tiền nhưng chưa giao cà phê. Đây là hình thức bán cà phê non, vào mùa thu hoạch cà phê khi bà T1 giao cà phê nếu giá thị trường có lên vẫn tính giá 40.000đ/kg và giao đúng 02 tấn cà phê nhân chứ không được tính giá thị trường quy ra cà phê để giao và ngược lại giá thị trường thấp cũng vậy.

Căn cứ giấy chốt cà phê ngày 28-02-2017 thể hiện bà T1 ký xác nhận nội dung "có nợ cô Hồ Thị C...2000kg cà phê nhân...". Điều này phù hợp với lời khai của bà H cho rằng bà H có đi cùng bà T1 đến nhà bà C để chốt bán cà phê, không phải chốt giá như vợ chồng ông T, bà T1 trình bày, thời điểm chốt bán không phải tháng 10-2017. Hôm chốt bán cà phê bà T1 có nhận tiền từ bà C nhưng bà không rõ là tiền bán cà phê hay tiền bà C cho vay. Trước năm 2014, bà C cho chốt giá nhưng sau năm 2014, bà C chỉ cho chốt bán (chốt bán lấy tiền sau này có cà phê mới giao còn gọi là chốt bán cà phê non) không cho chốt giá.

Vợ chồng ông T, bà T1 khai chốt bán, bà T1 có ký nhận vào trong sổ của bà C là chứng cứ bà C giao nộp giấy ghi ngày 28-02-2017. Sau khi chốt một thời gian thì vợ chồng có giao cho bà C 02 tấn cà phê và được trả 80.000.000đ nhưng lại không gạch xóa nội dung chốt bán ngày 28-02-2017, không ghi giấy tờ gì với nhau về việc giao 02 tấn cà phê này nhưng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh việc giao nhận cà phê. Trong khi đó, bà C cung cấp được giấy ngày 28/02/2017 thể hiện vợ chồng ông T, bà T1 còn nợ 02 tấn cà phê.

Tại bản tự khai ngày 17-4-2023 vợ chồng ông T, bà T1 cho rằng đã giao 02 tấn cà phê cho bà C vào năm 2019, 2020 trong đó năm 2020 có bà H1 chứng kiến nhưng bà H1 khẳng định bà không chứng kiến việc bà C lấy cà phê của vợ chồng ông T, bà T1 và không có việc bà qua làm chứng do bà C gọi như vợ chồng ông T đã khai. Tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng ông T, bà T1 xác nhận năm 2020 khi bà H1 qua làm chứng vợ chồng bà có ký nhận việc bà C lấy cà

phê dưới phần nội dung chốt bán cà phê ngày 28-02- 2017 (BL số 26) thì phía dưới nội dung chốt bán cà phê và chữ ký người nợ Hoàng Thị T1 năm không có nội dung nào khác.

Hơn nữa, vợ chồng ông T, bà T1 cho rằng bà C đã lấy của vợ chồng 02 tấn cà phê để cần trừ vào số nợ 270.000.000đ nhưng quá trình giải quyết vụ án vẫn thừa nhận còn nợ bà C 270.000.000đ trong khi các bên đều xác nhận vợ chồng ông T, bà T1 chỉ trả lãi được 13.000.000đ vào năm 2016.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T, bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị C về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản và kiện đòi tài sản*” với bị đơn vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1.

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị C số tiền 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị C 02 tấn cà phê robusta, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1%.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị C về việc yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc 270.000.000đ đối với vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị T1 phải chịu 19.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012879 và 0012880 cùng ngày 16-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ông T, bà T1 còn phải nộp số tiền 19.200.000đ án phí.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV &THA;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- CCTHADS huyện Bảo Lâm ;
- Các đương sự (06);
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt